TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2022
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;
2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXX-DS ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST- DS ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Th, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Bà Dương Thị Kim Th, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 22-Ô7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021, xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Bách Tùng G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà Th, bà Dương Thị Kim Th trình bày:

Ngày 04/02/2020, bà Th cho ông G vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm giấy mượn nợ cùng ngày, hẹn trả vào ngày 04/3/2020. Tuy nhiên, đến hạn, ông G không trả tiền cho bà Th nên bà Th khởi kiện yêu cầu ông G phải trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày Tòa án giải quyết vụ án là ngày 19/4/2022 là 24,5 tháng, với lãi suất 20%/năm, tương đương

1.67%/tháng. Tại bản tự khai ngày 10/3/2022, bà Th thay đổi mức lãi suất là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Tiền lãi sẽ được tính như sau: 100.000.000 đồng x 0.83% x 24,5 tháng = 20.335.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 100.000.000 đồng + 20.335.000 đồng = 120.335.000 đồng, yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền. Bà Th không yêu cầu các thành viên gia đình ông G liên đới trả tiền.

Bị đơn ông Lê Bách Tùng G vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Mai Thị Th khởi kiện ông Lê Bách Tùng G phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay gốc và lãi, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", ông G có địa chỉ cư trú tại xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc:

Căn cứ hợp đồng vay tiền được thể hiện qua Giấy mượn nợ ngày 04/02/2020 giữa bà Th và ông G. Bị đơn ông G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối về Giấy mượn nợ ngày 04/02/2020 nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây được xem tài liệu chứng cứ không phải chứng minh. Từ đó, có cơ sở xác định ông G có vay bà Th số tiền 100.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời gian trả vào ngày 04/3/2020. Đến hạn, ông G không trả tiền cho bà Th, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*". Do đó, yêu cầu trả tiền gốc của bà Th là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, (0,83%/tháng), tương đương số tiền 20.335.000 đồng.

Xét giấy mượn nợ ngày 04/02/2020, có nội dung thể hiện "trong thời gian nói trên tôi chưa có để hoàn trả tôi sẽ trả tiền lãi". Điều này chứng tỏ các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1*

Điều này tại thời điểm trả nợ”, là ½ của 20%, được xác định là 10%/năm. Do đó, yêu cầu tính lãi 10%/năm của nguyên đơn phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: 100.000.000 đồng x 0,83% x 24,5 tháng = 20.335.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc ông G phải trả cho bà Th 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.335.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền gốc và lãi là 120.335.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Lê Bách Tùng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 120.335.000 đồng. Bà Mai Thị Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Lê Bách Tùng G.

Buộc ông Lê Bách Tùng G có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Th số tiền 120.335.000 đồng *(một trăm hai mươi triệu, ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng)*; trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi là 20.335.000 đồng

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Lê Bách Tùng G phải chịu 6.016.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Thị Th 3.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0009163 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho